TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2023/DS-PT
Ngày: 09 - 5 - 2023
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miễn
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Mai Hoàng S, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hiệp, xã Tân Dân, huyện D D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Anh Mai Hoàng T1, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp Minh H, xã Nguyễn H, huyện D D, tỉnh Cà Mau (có mặt)

2. Chị Trương Hồng H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp Minh H, xã Nguyễn H, huyện D D, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn, Trương Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo trình bày của nguyên đơn: Năm 2020, chị Mai Thanh T cho anh Mai Hoàng T1, chị Trương Hồng H mượn số tiền 60.000.000 đồng để mua xe cho con, nuôi con đi học, hứa khi có tiền sẽ trả. Nay anh T1, chị H ly hôn, chị Thuý yêu cầu anh T1, chị H trả số tiền mượn 60.000.000 đồng, mỗi người trả ½ bằng 30.000.000 đồng.

Bị đơn Mai Hoàng T1 trình bày: Thừa nhận năm 2020 có mượn của chị T 60.000.000 đồng để mua xe hiệu SHmore cho con và lo cho con đi học. Anh T1

đồng ý trả ½ số nợ tương ứng 30.000.000 đồng.

Bị đơn Trương Hồng H trình bày: Mua xe cho con gái ngày 24/9/2019 từ một nữa tiền hốt hụi của con và tiền anh T1 hốt hụi, sổ vuông cho T1, không phải tiền mượn của chị T. Anh T1 khai mượn tiền chị T năm 2020 để mua xe và lo cho con đi học là không phù hợp về thời gian. Hơn nữa, đêm 30/12/2019, chị H và anh T1 xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ đó đến nay. Chị H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của chị Thuý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau đã xử quyết định: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và Lệ phí tòa án;

Chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thanh Thuý. Buộc anh Mai Hoàng T1 và chị Trương Hồng H trả cho chị Mai Thanh Thuý số tiền 60.000.000 đồng, mỗi người trả ½ tương ứng số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/01/2023, chị Trương Hồng H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền cho chị T theo yêu cầu. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn Mai Hoàng T1 yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Hồng H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện D D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Anh Mai Hoàng T1 và chị Trương Hồng H chung sống với nhau từ năm 1998, có 04 con chung, không đăng ký kết hôn. Năm 2019, xảy ra mâu thuẫn, hai người ly thân. Ngày 30/3/2020, Tòa án nhân dân huyện D D đã xử vụ án hôn nhân gia đình, không công nhận anh T1, chị H là vợ chồng (Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST). Ngày 28/8/2022, Tòa án nhân dân huyện D D đã xử vụ án hôn nhân gia đình phân chia tài sản và nợ sau ly hôn (Bản án số: 202/2022/HNGĐ-ST). Trong bản án phân chia tài sản và nợ không đề cập giải quyết số nợ 60.000.000 đồng của chị Mai Thanh T, do chị T không có đơn yêu cầu độc lập.

[2] Ngày 14/9/2022, chị Mai Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu anh Mai Hoàng T1 và chị Trương Hồng H trả số tiền 60.000.000 đồng mượn nợ năm 2020, không biên nhận. Anh T1 thừa nhận là người trực tiếp mượn tiền để cho con gái là Mai Tiểu My mua xe và một phần dùng để nuôi con đi học, đồng ý trả ½ số nợ. Chị H không thừa nhận có mượn tiền chị T cho con mua xe, thời gian này

chị và anh T1 đã ly thân nên không còn quan hệ vợ chồng, không đồng ý trả ½ số nợ. Án sơ thẩm cho rằng, năm 2019 anh T1 có xuất ra 35.000.000 đồng cho con gái mua xe được chị H thừa nhận có biết. Thời gian này anh, chị còn sống chung, việc mua xe cho con và nuôi con ăn học, là giao dịch nhằm lo cho con chung nên anh, chị phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T mỗi người ½ bằng 30.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, chị T xác định cho anh T1, chị H mượn nợ năm 2020, không nhớ ngày, tháng, không làm biên nhận, được anh T1 thừa nhận do anh trực tiếp mượn, chị H không biết. Do đó, án sơ thẩm xác định chị T có cho anh T1 mượn nợ, chấp nhận yêu cầu đòi nợ của chị T là có căn cứ pháp luật. Anh T1 cho rằng mượn nợ của chị T để mua xe cho con là Tiểu My số tiền 35.000.000 đồng, số tiền còn lại nuôi các con đi học. Chị H thừa nhận có biết việc anh T1 xuất tiền cho Tiểu My mua xe vào năm 2019 nhưng là tiền của gia đình, không phải tiền mượn của chị T. Theo hồ sơ thể hiện, Mai Tiểu My mua xe đăng ký giấy xe ngày 24/9/2019, khi cháu My đã trưởng thành. Việc anh T1 cho tiền cháu My mua xe là để phục vụ nhu cầu cá nhân riêng của cháu My, không phải nhu cầu thiết yếu của gia đình. Số tiền còn lại anh T1 khai nuôi các con đi học nhưng không xác định được cụ thể chi phí vào việc gì. Hơn nữa thời điểm cuối năm 2019 anh T1, chị H đã ly thân và từ tháng 3/2020 anh, chị chính thức ly hôn theo bản án không công nhận vợ chồng do Tòa án nhân dân huyện D D giải quyết. Thời gian này, anh T1 là người trực tiếp quản lý tài sản, nhà, đất có nguồn thu nhập kinh tế ổn định, thường xuyên từ vuông tôm nên việc anh khai mượn nợ nuôi con đi học là chưa thuyết phục. Hiện tại chị H có cuộc sống khó khăn, đi làm thuê, không nhà ở, đang nuôi 01 người con thu nhập không ổn định. Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện D D xác định số nợ 60.000.000 đồng của chị T là nợ chung của anh T1 và chị H trong thời kỳ chung sống để buộc anh T1, chị H mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho chị T 50% số nợ là chưa có căn cứ. Cần chấp nhận kháng cáo của chị H, xác định số nợ 60.000.000 đồng anh T1 mượn nợ của chị T là nợ riêng của anh T1, anh T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho chị T theo yêu cầu.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 cho rằng năm 2020 mượn tiền chị T là để trả lại tiền mượn của anh Trương Hoàng Minh (anh ruột chị H) để mua xe cho con năm 2019. Lời trình bày này của anh T1 không được chị H thừa nhận. Tại bản án phân chia tài sản và nợ trước đây, anh T1 không nêu ra có nợ đối với anh Trương Hoàng Minh. Tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm anh T1 không có chứng cứ nào chứng minh có nợ anh Minh nên lời trình bày này của anh T1 không được chấp nhận. Nếu thực tế anh T1 có mượn tiền của anh Minh để cho con gái mua xe năm 2019, sau đó mượn tiền chị T trả lại anh Minh năm 2020 thì việc này do anh T1 tự quyết định mượn nợ, tự quyết định cho tiền con mua xe, không có ý kiến đồng ý của chị H nên anh T1 phải tự chịu nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[5] Do chấp nhận kháng cáo nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của chị Trương Hồng H; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D D, tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng: Điều 14, 16, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của chị Mai Thanh Thuý. Buộc anh Mai Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thanh Thuý số tiền 60.000.000 đồng (S mươi triệu đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thanh T về việc buộc chị Trương Hồng H có nghĩa vụ phải trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thực hiện số tiền trên thì còn phải chịu T1 khoản lãi phát sinh theo m ức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thanh Thuý không phải chịu. Chị Thuý đã dự nộp 1.500.000 đồng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0013141 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D D được nhận lại. Chị Trương Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Mai Hoàng T1 phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Hồng H không phải chịu. Chị H đã dự nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0013510 ngày 19/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D D được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D D;
- Tòa án nhân dân huyện D D;
- Chi cục THADS huyện D D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân